

Số: /2024/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024

(Dự thảo)

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH11 ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định về hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA ngày 10/4/2009 giữa Bộ Công an và Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện việc cấp nước phòng

cháy, chữa cháy tại đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngày/.../2024..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công, phân cấp quản lý cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày/.../2024, thay thế Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Công an tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Xây dựng, Tư pháp, NN & PTNT (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: HCTC, CN.XDCB, NNTN, NC, CVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-UBND

ngày .../.../2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch, bảo vệ công trình cấp nước tập trung tại khu vực đô thị, nông thôn và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước về hoạt động cấp nước sạch, các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Nhà nước thống nhất quản lý về hoạt động cấp nước nhằm công khai, minh bạch, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng.

3. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển và bảo vệ hệ thống cấp nước.

4. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải thực hiện theo nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh; kế hoạch cấp nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đơn vị cung cấp nước sạch (ĐVCN) có trách nhiệm đảm bảo cấp nước an toàn (CNAT), liên tục, ổn định; thực hiện hạch toán, báo cáo theo quy định.

6. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng và khai thác công trình

phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên cơ sở nội dung quy hoạch được phê duyệt.

2. Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước, chất lượng nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giao kết cấu tài sản hạ tầng cấp nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn khu vực đô thị và khu công nghiệp; Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

6. Phối hợp với các ĐVCN xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước đô thị, khu công nghiệp.

7. Lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

8. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá bán nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp theo khung giá quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

9. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các công trình cấp nước và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp.

10. Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng, UBND tỉnh hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch đô thị, khu công nghiệp theo quy định.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước nông thôn trên cơ sở nội dung quy hoạch được phê duyệt.
2. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước, chất lượng nước sạch sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.
3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giao kết cấu tài sản hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn; Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.
5. Phối hợp với các ĐVCN xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước khu vực nông thôn.
6. Lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước nông thôn trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.
7. Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá bán nước sạch khu vực nông thôn theo khung giá quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.
8. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các công trình cấp nước và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn.
9. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn theo quy định.

Điều 6. Sở Y tế

1. Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Y tế; gửi kết quả kiểm tra về UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện để theo dõi, giám sát tỉnh .
2. Chủ trì xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sinh hoạt; Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

3. Tổng hợp, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 7. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong việc khai thác tài nguyên nước; Kiểm tra định kỳ đánh giá chất lượng nước thô khai thác để sản xuất nước sạch đối với các đơn vị cấp nước theo quy định.

2. Chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương quản lý nguồn nước, đảm bảo nguồn nước thô sử dụng cho mục đích sinh hoạt không bị ô nhiễm.

3. Tham mưu UBND tỉnh: Thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các đơn vị cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh. Hạn chế cấp phép thăm dò, khai thác nước cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khai thác sử dụng nước dưới đất tại khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chất lượng và số lượng; Cấp giấy phép môi trường theo quy định, trong đó cần xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường đối với những dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

4. Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh tham mưu UBND tỉnh việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

5. Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 8. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn chi tiết, phương pháp xác định giá nước sạch bao gồm giá bán trực tiếp cho khách hàng và giá bán buôn; thẩm định phương án giá bán nước sạch trình UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng lộ trình điều chỉnh giá bán nước sạch theo quy định trình UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng phương án cấp bù giá nước sạch (cho các ĐVCN trong trường hợp UBND tỉnh quyết định phương án giá nước sạch thấp hơn giá thành đã tính đúng tính đủ theo quy định) trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc áp dụng giá nước sạch và quản lý tài chính theo thẩm quyền.

3. Hàng năm cân đối ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ, cấp bù giá nước sạch (nếu có); quản lý, chỉ đạo thu nguồn kinh phí đã hỗ trợ cho các ĐVCN theo quy định.

4. Tổ chức hiệp thương giá và báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật khi giá bán buôn của bên bán và bên mua không thỏa thuận được.

5. Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

6. Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh phương án giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Điều 9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án cấp nước khi thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung.

Điều 10. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra về đo lường đối với đồng hồ đo nước lắp đặt vào hệ thống cấp nước;

b) Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tuyên truyền, hướng dẫn các quy định của Nhà nước về đo lường; kiểm tra định kỳ hoạt động đo lường tại các đơn vị cấp nước.

Điều 11. Sở Giao thông vận tải

Thực hiện việc thỏa thuận thiết kế, cấp phép thi công cho các đơn vị cấp nước và các cá nhân thi công đường ống trong hành lang kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy theo quy định.

Điều 12. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

1. Chỉ đạo các ĐVCN sạch khu công nghiệp phải đảm bảo CNAT cho các doanh nghiệp, các đối tượng khác có liên quan trong phạm vi cấp nước.

2. Giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, vướng mắc về dịch vụ cấp nước trong khu công nghiệp.

3. Báo cáo các nội dung liên quan về quản lý cấp nước khu công nghiệp gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 13. Công an tỉnh (Cơ quan Cảnh sát PCCC)

1. Khai thác sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước PCCC đô thị, khu công nghiệp (trụ cứu hỏa, điểm lấy nước PCCC).

2. Xây dựng quy chế phối hợp với chính quyền địa phương, các ĐVCN, chủ đầu tư hạ tầng các khu nhà ở, khu công nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước PCCC, định kỳ kiểm tra chất lượng hệ thống cấp nước PCCC. Trường hợp phát hiện hệ thống cấp nước PCCC bị hư hỏng thì đề nghị đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước PCCC phải có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành trong thời

gian sớm nhất. Kiểm tra, hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị cấp nước tổ chức bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch.

Điều 14. UBND cấp huyện

1. Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với ĐVCN trên địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ, Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng.

2. Dự báo nhu cầu sử dụng nước trong cụm công nghiệp hàng năm và 05 năm, 10 năm, 20 năm gửi về Sở Xây dựng; phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và giai đoạn 05 năm, 10 năm và đến 20 năm do ĐVCN trình.

3. Thanh tra, kiểm tra các ĐVCN trên địa bàn đảm bảo CNAT, mở rộng phạm vi cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển ở địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu nước, mất nước; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) phối hợp với ĐVCN trong việc bảo vệ hệ thống cấp nước.

4. Phối hợp với cơ quan và ĐVCN xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước và an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý; phối hợp với ĐVCN tổ chức kiểm tra giám sát nhằm kịp thời phát hiện các hành vi xâm phạm công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước và xử lý theo thẩm quyền; tổ chức tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước.

5. Báo cáo các nội dung liên quan về công tác quản lý cấp nước trên địa bàn đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh gửi về Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với khu vực nông thôn) để tổng hợp.

6. Tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định, trong đó cần xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường đối với những dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

7. Phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

Điều 15. Đơn vị cấp nước

1. Ký và thực hiện tốt thỏa thuận dịch vụ cấp nước với UBND cấp huyện; phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án giá nước, lộ trình điều chỉnh giá nước theo quy định gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Lập và thực hiện kế hoạch CNAT gửi Sở Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn) thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

3. Lập kế hoạch phát triển cấp nước, báo cáo Sở Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn), Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Phối hợp với các lực lượng Thanh tra xây dựng, Công an tại địa phương xử lý các vi phạm công trình cấp nước; phối hợp với Công an tỉnh xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC.

5. Báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm về tình hình cấp nước gửi UBND cấp huyện và các Sở: Tài chính, Xây dựng (với khu vực đô thị và khu công nghiệp), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn). Kịp thời báo cáo UBND cấp huyện về ảnh hưởng đến an toàn nguồn nước và UBND tỉnh về tình hình hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch khi yêu cầu

6. Báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm kết quả xét nghiệm mẫu nước gửi Sở Y tế, UBND cấp huyện đang cấp nước, Sở Xây dựng (với khu vực đô thị và khu, công nghiệp), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (với khu vực nông thôn)

7. Có trách nhiệm hoàn trả kinh phí nhà nước đã hỗ trợ theo quy định

8. Có trách nhiệm đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định, liên tục cho người dân; không được phép tự ý thu tiền nước khi chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá nước sạch; ngừng phát nước ra mạng khi không đảm bảo chất lượng; ngừng cung cấp nước sạch đối với những trường hợp vi phạm hợp đồng sử dụng nước hoặc không thanh toán đầy đủ các chi phí sửa chữa liên quan tính từ đại khởi thủy đến đồng hồ nước; từ chối cung cấp nước sạch cho các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước

9. Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Bắc Ninh có trách nhiệm đánh giá, xây dựng lộ trình chuyển đổi các trạm sử dụng nguồn nước ngầm đang quản lý sang đầu nối vào nguồn nước tại các nhà máy cấp nước mặt công suất lớn báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Đơn vị cấp nước (Công ty cấp nước, xí nghiệp cấp nước...) có trách nhiệm đầu tư các thiết bị thuộc hệ thống cấp nước tập trung (bể chứa trong trạm xử lý, trạm bơm nước sạch, hệ thống đường ống); các họng, trụ lấy nước PCCC lắp đặt trên các tuyến ống cấp nước thuộc hệ thống cấp nước tập trung; kinh phí đầu tư được tính vào tổng mức đầu tư để xác định giá nước sạch.

Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ hệ thống cấp nước tập trung và các họng, trụ nước PCCC được lắp đặt trên các tuyến ống do mình quản lý.

11. Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do nhà nước giao theo đúng quy định tại Nghị định 43/2022/NĐ-CP.

Điều 16. Các chủ đầu tư, các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, đơn vị quản lý hạ tầng cấp nước khu nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp

Đơn vị đầu tư cơ sở hạ tầng các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chức năng theo dự án chịu trách nhiệm đầu tư máy bơm nước chữa cháy, các thiết bị PCCC trên mạng đường ống cấp nước tập trung. Kinh phí đầu tư được tính vào tổng mức đầu tư hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp;

Đơn vị quản lý hạ tầng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo dưỡng và bảo vệ hệ thống cấp nước PCCC tại các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chức năng theo dự án.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã; các ĐVCN và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH